TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH C
Bản án số: 02/2025/DS-ST
Ngày 03-01-2025
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH C

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Bùi Ngọc Dung.

Ông Nguyễn Xuân Thành.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ân Tình là Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh C.

Ngày 03 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 134/2024/TLST-DS ngày 09 tháng 10 năm 2024 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2022/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 11 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 54/2022/QĐST-DS ngày 17 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng T.

Địa chỉ: Số 266-268, đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 8, Quận 3, Thành Phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Nguyễn Đức Thạch D – Tổng Giám đốc.

Đại diện theo uỷ quyền: Ông Lê Thân Ng. Sinh năm: 1978 – Nhân viên Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín (Giấy uỷ quyền số 812/2024/UQ-TGĐ ngày 16/01/2024 – vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Số 278 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn*: Ông Th. Sinh năm: 1992 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp K, xã V, huyện N, tỉnh C.

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 18/3/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:

Ngày 17/3/2017, ông Th có ký với Ngân hàng T (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng. Căn cứ vào thu nhập của ông Th, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức cho ông Th vay số tiền 15.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Cụ thể như sau: Loại thẻ: Visa; Số thẻ 472074 – 2874; Hạn mức: 15.000.000 đồng; Ngày ký hợp đồng 17/3/2017; Lãi suất 2.15%/tháng.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông Th đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 24,706,536 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông Th đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 24,803,000 đồng. Tổng số tiền trên được thanh toán áp dụng theo Điều 20 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông Th vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông Th vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 01/07/2019 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu tại thời điểm này là 17,283,426 đồng sang quá hạn, làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn là 3.225% (= lãi suất trong hạn 2.15%/tháng x 150%) (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Sau khi thẻ bị quá hạn, ông Th có thanh toán thêm vào thẻ 03 lần với tổng số tiền là 4,200,000 đồng, nên dư nợ gốc hiện còn lại là 13.083.426 đồng**.**

Như vậy tính đến ngày 03/01/2025, ông Th còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là 43.194.730 đồng, gồm các khoản sau: Dư nợ gốc là 13.083.426 đồng; Lãi quá hạn 30.111.304 đồng.

Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp với ông Th, yêu cầu ông Th có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để ông Th trả nợ, tuy nhiên ông Th vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký. Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín yêu cầu ông Th phải trả ngay một lần cho Ngân hàng tổng số tiền thẻ tín dụng tính đến ngày 03/01/2025 là 43.194.730 đồng *(Bằng chữ: Bốn mươi ba triệu, một trăm chín mươi bốn ngàn, bảy trăm ba mươi đồng)* và ông Th có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 04/01/2025 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án ông Th đã được Tòa án tống đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra

xét xử và được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

Ngân hàng T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ngân hàng T khởi kiện ông Th về tranh chấp hợp đồng tín dụng nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 26 Bộ luật tố tụng Dân sự. Ông Th cư trú tại ấp K, xã V, huyện N, tỉnh C nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý giải quyết của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh C.

Ngân hàng T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông Th đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt Ngân hàng, ông Th theo khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung:

Ngày 17/3/2017 ông Th và Ngân hàng T đã xác lập Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, với hạn mức 15.000.000 đồng là thực tế có xảy ra. Khi vay đôi bên có thỏa thuận về thời hạn thanh toán và có lãi, nội dung hợp đồng không trái với quy định của pháp luật. Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng thể hiện ông Th vay của Ngân hàng với số tiền gốc 15.000.000 đồng, trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông Th đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 24.803.000 đồng.

Do ông Th không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và nợ lãi theo quy định nên đến ngày 01/7/2019, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu tại thời điểm này là 17.283.426 đồng sang quá hạn, làm nợ gốc, Sau khi thẻ bị quá hạn, thì ông Th có thanh toán thêm vào thẻ 03 lần với tổng số tiền là 4.200.000 đồng, nên dư nợ gốc hiện còn lại là 13.083.426 đồng. Việc vi phạm thời hạn thanh toán nợ của ông Th làm ảnh hưởng đến quyền lợi của Ngân hàng. Xét thấy, sau khi đối chiếu khoản nợ gốc chưa thanh toán và mức lãi thỏa thuận ghi nhận trong hợp đồng thấy rằng tính đến ngày 03/01/2025, ông Th còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là 43.194.730 đồng nên Ngân hàng yêu cầu ông Th thông toán số tiền 43.194.730 đồng, trong đó nợ gốc là 13.083.426 đồng và lãi quá hạn 30.111.304 đồng và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 04/01/2025 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng đã ký là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Ngân hàng T, buộc ông Th phải có nghĩa vụ thông toán cho Ngân hàng T tổng số

tiền 43.194.730 đồng và buộc ông Th phải thanh toán tiền lãi phát sinh kể từ ngày 04/01/2025 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng đã ký.

[3] Về án phí: Theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì ông Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 43.194.730 đồng x 5% = 2.160.000 đồng (tính tròn số). Ngân hàng T đã dự nộp số tiền 955.000 đồng theo biên lai thu số 0034385 ngày 17/5/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh, Ngân hàng được nhận lại.

[4] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Khoản 2 Điều 91; Điều 95; khoản 3 Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T. Buộc ông Th phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng T tổng số tiền 43.194.730 đồng và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 04/01/2025 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng đã ký.

Về án phí:

Ông Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 2.160.000 đồng (tính tròn số).

Ngân hàng T đã dự nộp số tiền 955.000 đồng theo biên lai thu số 0034385 ngày 17/5/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh, Ngân hàng được nhận lại.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận: **TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- Các đương sự;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- TAND tỉnh C;
- Lưu hồ sơ vụ án, VT.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Cao Thị Dung